

GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỘT SỐ MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA MỸ

1. Nội dung một số môn học tích hợp

Theo chuẩn nội dung môn học (Content Standards) của Bang California:

a) Môn Lịch sử -khoa học tự nhiên (từ năm 1998, đến nay chưa thay đổi)

- Từ lớp Mẫu giáo đến lớp Năm: Kỹ năng phân tích lịch sử và khoa học xã hội:

+ Lớp Mẫu giáo: Học tập và làm việc bây giờ và trước đây.

+ Lớp Một: Nơi của một đứa trẻ trong thời gian và không gian.

+ Lớp Hai: Con người - Đối tượng làm nên một sự khác biệt.

+ Lớp Ba: Liên tục và thay đổi.

+ Lớp Bốn: California: Một tiểu bang thay đổi.

+ Lớp Năm: Lịch sử và địa lí Hoa Kỳ: Tạo dựng một quốc gia mới.

- Từ lớp Sáu đến lớp Tám: Các kỹ năng phân tích lịch sử và khoa học xã hội:

+ Lớp Sáu: Lịch sử và địa lí thế giới: nền văn minh cổ đại.

+ Lớp Bảy: Lịch sử và địa lí thế giới: Thời Trung cổ và Cận hiện đại.

+ Lớp Tám: Lịch sử và địa lí Hoa Kỳ: Tăng trưởng và mâu thuẫn.

- Từ lớp Chín đến lớp Mười hai: Kỹ năng phân tích lịch sử và khoa học xã hội:

+ Lớp Mười: Lịch sử văn hoá và địa lí thế giới: Thế giới hiện đại.

+ Lớp Mười một: Lịch sử và Địa lí Hoa Kỳ: Liên tục và thay đổi trong thế kỉ XX.

+ Lớp Mười hai: Nguyên tắc dân chủ và kinh tế Mỹ.

b) Môn Khoa học (tức KHTN) (từ năm 1998)

Lớp Mẫu giáo lớn đến Lớp Năm: Khoa học Vật lí, Khoa học đời sống/Sự sống, Khoa học Trái Đất, Khám phá và thí nghiệm.

- Lớp Sáu: Tập trung vào Khoa học Trái Đất, Kiến tạo mảng và cấu trúc của Trái Đất, Hình dạng bề mặt của Trái Đất, Nhiệt (Năng lượng nhiệt) (Khoa học vật lí), Hệ thống năng lượng trên Trái Đất, Sinh thái học (Khoa học về đời sống/sự sống), Các nguồn tài nguyên, Khám phá và thí nghiệm.

- Lớp Bảy: Tập trung vào Khoa học đời sống/sự sống: Sinh học tế bào, Di truyền học, Tiến hoá, Lịch sử sự sống trên Trái Đất (Khoa học Trái Đất), Cấu trúc và chức năng trong hệ thống sự sống, Nguyên tắc vật lí trong hệ thống sự sống (Khoa học vật lí), Khám phá và thí nghiệm.

- Lớp Tám: Tập trung vào Khoa học Vật lí: Chuyển động, Lực, Cấu trúc của vật chất, Trái Đất trong hệ Mặt Trời (Khoa học Trái Đất), Phản ứng, Hoá học của các hệ thống sự sống (Khoa học đời sống/sự sống), Bảng tuần hoàn, Mật độ và sức nổi, Khám phá và thí nghiệm.

- Lớp Chín đến lớp Mười Hai:

+ Vật lí: Chuyển động và lực, Bảo toàn năng lượng và động lượng/xung lượng, Nhiệt và nhiệt động lực học, Sóng, Hiện tượng điện và từ tính.

+ Hoá học: Cấu trúc của nguyên tử và phân tử, Liên kết hoá học, Bảo toàn của vật chất và hoá học lượng pháp, Các loại khí và tính chất của chúng, Axit và cơ sở, Sự hoà tan/dung dịch, Nhiệt động lực học hoá học, Các loại phản ứng, Cân bằng hoá học, Hoá học hữu cơ và sinh hoá, Quy trình hạt nhân

+ Sinh học/Khoa học đời sống/sự sống: Sinh học tế bào, Di truyền, Sinh thái, Tiến hoá, Sinh lí.

- Khoa học Trái Đất: Vị trí của Trái Đất trong vũ trụ, Chu trình, Hệ thống năng lượng trên Trái Đất, Chu kì sinh hoá, Cấu trúc và thành phần của khí quyển, Địa chất của California.

- Khám phá và thí nghiệm.

2. Môn ngôn ngữ quốc gia

Ở đây giới thiệu Chuẩn chung cốt lõi môn Tiếng Anh và trình độ đọc viết trong các môn Lịch sử/Nghiên cứu xã hội, khoa học tự nhiên và kĩ thuật của Bang California - Hoa Kỳ (tương đương với môn Ngữ văn ở Việt Nam).

a) Cấu trúc văn bản

Gồm 3 phần:

- Thông điệp của Uỷ ban Giáo dục Bang và Uỷ ban Giám sát chỉ đạo quốc gia.

- Lời hướng dẫn.

- Các chuẩn cụ thể.

- Phụ lục.

b) Mạch nội dung

Chia làm 2 cấp học: Tiểu học và Trung học.

- Ở mỗi cấp, văn bản trình bày các chuẩn chung cốt lõi về:

+ Kỹ năng đọc (gồm đọc văn bản văn học và văn bản thông tin).

+ Kỹ năng viết.

+ Kỹ năng nghe và nói.

+ Ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp).

- Ngoài ra còn có:

+ Các kỹ năng ngôn ngữ tiến triển qua các khối lớp.

+ Phạm vi, chất lượng và sự đa dạng trong việc dạy đọc cho học sinh trong mỗi cấp.

+ Các tài liệu minh họa sự đa dạng, chất lượng và phạm vi đọc của học sinh ở mỗi cấp.

+ Chủ điểm trong phạm vi mỗi cấp học.

Ví dụ: Các chuẩn cho học sinh từ lớp Mẫu giáo lớn đến Lớp 2 (K-2)

CÁC CHUẨN VỀ KỸ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN VĂN HỌC

Lớp mẫu giáo lớn	Lớp 1	Lớp 2
CÁC Ý CHÍNH VÀ CÁC CHI TIẾT		
1. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính trong một bài đọc.	1. Hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính trong bài đọc.	1. Hỏi và trả lời các câu hỏi như: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao và bằng cách nào để tập trung sự hiểu biết vào các chi tiết chính trong bài đọc.
2. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), kể lại các câu chuyện có nội dung tương tự dựa trên các chi tiết chính.	2. Kể lại các câu chuyện bao gồm các chi tiết chính và bày tỏ sự hiểu biết về thông điệp chính (chủ đề) của bài đọc hoặc rút ra bài học của nó.	2. Kể lại các câu chuyện ngụ ngôn, chuyện cổ tích đến từ các nền văn hóa khác nhau, xác định các thông điệp (chủ đề) chính, rút ra các bài học hoặc các bài học về đạo đức.
3. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), xác định các nhân vật, các bối cảnh và	3. Miêu tả các nhân vật, các bối cảnh và các sự kiện chính trong câu chuyện sử	3. Miêu tả cách các nhân vật phản ứng trước các sự kiện chính và các thách

các sự kiện chính trong một câu chuyện.	dụng các chi tiết chính.	thức.
KỸ NĂNG VÀ CẤU TRÚC CÂU		
4. Hỏi và trả lời các câu hỏi về những từ chưa biết trong một bài văn. (Xem các chuẩn về ngôn ngữ của bậc học K phần 4-6 trang 13 để tham khảo thêm)	4. Xác định các từ, các cụm từ trong các câu chuyện và các bài thơ - những bài gợi lên được cảm xúc và khả năng cảm nhận. (Xem các chuẩn về ngôn ngữ lớp 1 phần 4-6 trang 13 để tham khảo thêm)	4. Miêu tả cách các từ và các cụm từ (ví dụ như cách ngắt câu, sự lặp âm, cách gieo vần, điệp từ) bổ sung nhịp điệu và ý nghĩa trong một câu chuyện, một bài thơ hoặc một bài hát. (Xem các chuẩn về ngôn ngữ lớp 2 phần 4-6 trang 13 để tham khảo thêm)
5. Nhận biết các loại tài liệu phổ biến (ví dụ: các loại sách truyện, thơ, các sách truyện hư cấu và dựa trên thực tế)	5. Giải thích những sự khác biệt chính giữa các loại sách kể chuyện và các loại sách đưa thông tin, phác thảo một cách đọc mở cho các loại sách khác nhau.	5. Miêu tả kết cấu tổng thể của câu chuyện bao gồm miêu tả phần mở đầu và phần kết thúc câu chuyện kèm theo hành động minh họa.
6. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), kể tên tác giả, nhân vật minh họa của câu chuyện và xác định được vai trò của mỗi người trong khi kể chuyện.	6. Xác định xem ai đang là người kể chuyện tại các thời điểm khác nhau trong câu chuyện	6. Nhận thức được những sự khác biệt về quan điểm của các nhân vật bằng cách thể hiện các giọng nói riêng cho mỗi nhân vật khi đọc to đoạn hội thoại trong câu chuyện.
TTBD ĐBDC KẾT HỢP KIẾN THỨC VÀ CÁC Ý TƯỞNG		
7. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), miêu tả mối quan hệ giữa các hình ảnh minh họa và câu chuyện (ví dụ một hình ảnh minh họa miêu tả khoảnh khắc nào trong câu chuyện).	7. Sử dụng các minh họa và các chi tiết trong một câu chuyện để miêu tả các nhân vật, các bối cảnh và các sự kiện trong đó.	7. Sử dụng các thông tin thu được từ các hình ảnh minh họa và các lời lẽ trong văn bản để tập trung sự hiểu biết về các nhân vật, bối cảnh và cốt chuyện.
8. (Không phù hợp đối với tác phẩm văn học)	8. (Không phù hợp đối với tác phẩm văn học)	8. (Không phù hợp đối với tác phẩm văn học)

9. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), so sánh và phân biệt việc phiêu lưu mạo hiểm và trải nghiệm của các nhân vật trong các câu chuyện tương tự.	9. So sánh và phân biệt việc phiêu lưu mạo hiểm và trải nghiệm của các nhân vật trong các câu chuyện.	9. So sánh và phân biệt hai hoặc nhiều phiên bản (dị bản) của cùng một câu chuyện (ví dụ chuyện Cô bé lọ lem) được viết bởi các tác giả đến từ nhiều quốc gia khác nhau.
---	---	--

KHẢ NĂNG ĐỌC VÀ MỨC ĐỘ PHỨC TẠP CỦA TÀI LIỆU

10. Tham gia tích cực các hoạt động đọc theo nhóm có mục đích và hiểu biết. a. Biết sử dụng kiến thức có trước liên quan đến các tin tức và sự kiện trong các bài đọc. b. Sử dụng các minh họa và ngữ cảnh để đoán trước về bài đọc	10. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), đọc một đoạn văn xuôi và một bài thơ với độ khó phù hợp với trình độ lớp 1. a. Biết sử dụng kiến thức có trước liên quan đến các tin tức và sự kiện trong các bài đọc. b. Phỏng đoán xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo trong bài đọc.	10. Đến cuối năm học, đọc và hiểu bao quát một tác phẩm văn học bao gồm các câu chuyện và thơ văn để khả năng đọc ở lớp 2 và 3 đạt đến độ thành thạo cùng với yêu cầu cao hơn nếu cần.
---	--	--

CÁC CHUẨN VỀ KỸ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN THÔNG TIN

Lớp mẫu giáo lớn	Lớp 1	Lớp 2
CÁC Ý CHÍNH VÀ CÁC CHI TIẾT		
1. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính trong một bài đọc.	1. Hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính trong bài đọc.	1. Hỏi và trả lời các câu hỏi như: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao và bằng cách nào để tập trung sự hiểu biết vào các chi tiết chính trong bài đọc.
2. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), xác định chủ đề chính và kể lại các chi tiết chính của một bài đọc.	2. Xác định chủ đề chính và kể lại các chi tiết chính của một bài đọc.	2. Xác định chủ đề chính của một bài văn gồm có nhiều đoạn cũng như tập trung vào các đoạn văn cụ thể có trong bài đọc.
3. Với sự gợi ý và hỗ trợ	3. Miêu tả mối quan hệ	3. Miêu tả mối quan hệ

(của GV), miêu tả mối quan hệ giữa hai cá nhân, sự kiện, ý kiến hoặc giữa hai đoạn tin trong bài đọc.	giữa hai cá nhân, sự kiện, ý kiến hoặc giữa hai đoạn tin trong bài đọc.	giữa một chuỗi các sự kiện lịch sử, các ý tưởng khoa học hoặc các quan niệm, hoặc các bước trong các quy trình kĩ thuật trong bài đọc.
KỸ NĂNG VÀ CẤU TRÚC CÂU		
4. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), hỏi và trả lời các câu hỏi về các từ mới trong bài đọc. (Xem các chuẩn về ngôn ngữ của bậc học K dòng 4-6 trang 13 để tham khảo thêm)	4. Hỏi và trả lời các câu hỏi để giúp xác định hoặc làm rõ nghĩa của các từ và cụm từ trong bài. (Xem các chuẩn về ngôn ngữ lớp 1 dòng 4-6 trang 13 để tham khảo thêm)	4. Xác định nghĩa của các từ và cụm từ trong bài phù hợp với chủ đề của lớp 2 hoặc về lĩnh vực môn học. (Xem các chuẩn về ngôn ngữ lớp 2 dòng 4-6 trang 13 để tham khảo thêm)
5. Xác định được trang bìa trước, sau và trang tiêu đề của sách.	5. Biết và sử dụng được các loại cấu trúc văn bản khác nhau (ví dụ: trình bày theo trình tự) và các đặc điểm/yếu tố của bài đọc (ví dụ như các đề mục, bảng nội dung, bảng từ vựng, các thư mục điện tử, các biểu tượng) để xác định được các sự kiện chính hoặc các thông tin có trong bài.	5. Biết và sử dụng đặc điểm/yếu tố văn bản khác nhau (ví dụ như các lời chú thích, các chữ in đậm, các tiêu mục, các bảng từ vựng, các thư mục điện tử, các biểu tượng) để xác định được các sự kiện chính hoặc các thông tin có trong bài một cách hiệu quả.
6. Kể tên tác giả và người vẽ tranh minh họa của bài đọc và nêu lên được vai trò của mỗi người trong việc thể hiện các ý tưởng và các thông tin trong bài.	6. Phân biệt giữa các thông tin được minh họa bằng tranh ảnh hoặc bằng các hình minh họa khác với các thông tin được diễn đạt bằng lời trong bài	6. Xác định mục đích chính của một bài đọc bao gồm việc tác giả muốn nói, giải thích hoặc miêu tả cái gì đó
KẾT HỢP KIẾN THỨC VÀ CÁC Ý TƯỞNG		
7. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), miêu tả mối quan hệ giữa các minh họa và bài đọc (ví dụ như con người, nơi chốn, sự vật	7. Sử dụng các minh họa và các chi tiết có trong bài để diễn tả các ý tưởng chính của bài đọc.	7. Giải thích cách các hình ảnh cụ thể (ví dụ biểu đồ hướng dẫn cách một chiếc máy hoạt động) đã góp phần làm rõ một bài đọc

hoặc ý tưởng trong bài đọc được miêu tả như thế nào).		như thế nào.
8. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), xác định các lí do mà tác giả đưa ra để hỗ trợ/làm sáng tỏ các quan điểm trong bài.	8. Xác định các lí do mà tác giả đưa ra để hỗ trợ/làm sáng tỏ các quan điểm trong bài.	8. Miêu tả cách tác giả đưa ra các lí do để hỗ trợ/làm sáng tỏ một số quan điểm cụ thể trong bài đọc.
9. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), xác định những điểm giống và khác nhau cơ bản giữa hai bài đọc có cùng chủ đề (ví dụ về các minh họa, các miêu tả hoặc các quy trình).	9. Xác định những điểm giống và khác nhau cơ bản giữa hai bài đọc có cùng chủ đề (ví dụ về các minh họa, các miêu tả hoặc các quy trình).	9. So sánh và phân biệt những điểm quan trọng nhất được diễn đạt bởi hai bài đọc có cùng chủ đề.

KHẢ NĂNG ĐỌC VÀ MỨC ĐỘ PHỨC TẠP CỦA TÀI LIỆU

10. Tham gia tích cực các hoạt động đọc theo nhóm có mục đích và hiểu biết a. Biết sử dụng kiến thức có trước liên quan đến các tin tức và sự kiện trong các bài đọc. b. Sử dụng các minh họa và ngữ cảnh để đoán trước về bài đọc.	10. Với sự gợi ý và hỗ trợ (của GV), đọc các đoạn văn để lấy thông tin với độ khó phù hợp với trình độ lớp 1. a. Biết sử dụng kiến thức có trước liên quan đến các tin tức và sự kiện trong các bài đọc. b. Xác nhận các phỏng đoán xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo trong bài đọc	10. Đến cuối năm học, đọc và hiểu bao quát các bài đọc để lấy thông tin bao gồm các nghiên cứu về lịch sử và xã hội, các bài đọc về khoa học và kỹ thuật để lên lớp 2 và 3 đạt đến độ thành thạo cùng với yêu cầu cao hơn nếu cần.
---	---	--

CÁC KỸ NĂNG ĐỌC NỀN TẢNG

Lớp mẫu giáo lớn	Lớp 1	Lớp 2
CÁC QUAN NIỆM VỀ VĂN BẢN		
1. Thể hiện sự hiểu biết về cách tổ chức và các đặc điểm cơ bản về văn bản a. Theo dõi các từ trái qua phải, từ trên xuống dưới và từ trang này qua trang	1. Thể hiện sự hiểu biết về cách tổ chức và các đặc điểm cơ bản về văn bản a. Nhận thức được các đặc điểm khác biệt trong một câu. (ví dụ như từ đầu	Không có nội dung

<p>kia</p> <p>b. Nhận ra rằng các từ ngữ được nói ra (ngôn ngữ nói) được thể hiện trong ngôn ngữ viết thông qua các trình tự cụ thể của các kí tự</p> <p>c. Hiểu được các từ được đặt cách nhau bởi các khoảng trống trong văn bản</p> <p>d. Nhận biết và đọc tên tất cả các kí tự ở các vị trí trên và dưới trong bảng chữ cái</p>	<p>tiên, chữ in hoa và dấu chấm câu)</p>	
---	--	--

NHẬN THỨC HỆ THỐNG ÂM VỊ HỌC

<p>2. Thể hiện sự hiểu biết về các từ được phát âm, các âm tiết và các âm (âm vị).</p> <p>a. Nhận biết và đưa ra/tạo ra các từ có vần điệu.</p> <p>b. Đếm, phát âm, kết hợp và tách các âm tiết trong các từ được nói.</p> <p>c. Kết hợp và tách các âm đầu và các cách gieo vần của các từ được nói có một âm tiết.</p> <p>d. Kết hợp hai hoặc ba âm vị trong các từ để nhận biết.</p> <p>e. Tách riêng và phát âm nguyên âm ở đầu và ở giữa và các âm cuối (âm vị) trong các từ có ba âm vị (phụ âm-nguyên âm - phụ âm hoặc viết tắt là câu văn chính), (điều này không bao gồm các câu văn chính có kết thúc là /l/, /r/ hoặc /x/).</p> <p>f. Thêm hoặc thay thế các âm đơn trong các từ đơn</p>	<p>2. Thể hiện sự hiểu biết và các từ được phát âm, các âm tiết và các âm vị.</p> <p>a. Phân biệt giữa các âm dài và ngắn của nguyên âm trong các từ đơn âm được nói.</p> <p>b. Đọc các từ đơn âm bằng cách kết hợp các âm vị, bao gồm các kết hợp của phụ âm.</p> <p>c. Tách riêng và phát âm nguyên âm ở đầu và ở giữa và các âm cuối (âm vị) trong các từ đơn âm được nói.</p> <p>d. Tách các từ đơn âm được nói thành một trình tự hoàn thiện của các âm riêng (âm vị).</p>	<p>Không có nội dung</p>
---	---	--------------------------

giản có một âm tiết để tạo ra các từ mới.		
NGŨ ÂM VÀ XÁC NHẬN TỪ		
<p>3. Biết và áp dụng các ngữ âm ở cấp độ phù hợp và kỹ năng phân tích các từ trong việc đọc các từ đơn lẻ và các từ trong một đoạn văn.</p> <p>a. Thể hiện kiến thức cơ bản về cách phát âm tương ứng từng kí tự một bằng cách đưa ra âm cơ bản hoặc một số âm quen thuộc nhất cho mỗi phụ âm.</p> <p>b. Liên kết các âm dài và ngắn với cách đọc phổ biến cho năm nguyên âm chính.</p> <p>c. Đọc các từ thường gặp (ví dụ như the, of, to, you, she, my, is, are, do, does).</p> <p>d. Phân biệt giữa các từ có cách đọc tương tự nhau bằng cách xác định các âm của các kí tự khác nhau.</p>	<p>3. Biết và áp dụng các ngữ âm ở cấp độ phù hợp và kỹ năng phân tích các từ trong việc đọc các từ đơn lẻ và các từ trong một đoạn văn.</p> <p>a. Biết các âm tương ứng khi đọc đối với các mẫu từ ghép thành một phụ âm chung.</p> <p>b. Nhận dạng các từ đơn âm được đọc có quy tắc.</p> <p>c. Nhận biết nguyên âm e đứng cuối các từ và các quy ước của các nguyên âm cho việc diễn đạt các âm nguyên âm dài.</p> <p>d. Sử dụng kiến thức về mỗi âm tiết đều phải có một âm nguyên âm để xác định số lượng các âm tiết có trong một từ trong văn bản.</p> <p>e. Nhận dạng các từ có hai âm tiết theo các mẫu cơ bản bằng cách tách các từ thành các âm tiết</p> <p>f. Đọc được các từ có kết thúc biến thể.</p> <p>g. Nhận biết và đọc được các từ bất quy tắc ở trình độ phù hợp.</p>	<p>3. Biết và áp dụng các ngữ âm ở cấp độ phù hợp và kỹ năng phân tích các từ trong việc đọc các từ đơn lẻ và các từ trong một đoạn văn.</p> <p>a. Phân biệt được các nguyên âm dài và ngắn khi đọc các từ một âm tiết có quy tắc.</p> <p>b. Nhận biết các âm tương ứng khi đọc đối với các nhóm nguyên âm chính được bổ sung.</p> <p>c. Nhận dạng được các từ quy tắc có hai âm tiết khi được phát âm với các nguyên âm dài.</p> <p>d. Nhận dạng các từ thường có các tiền tố và các hậu tố.</p> <p>e. Xác định các từ không đồng nhất nhưng có các âm tương tự được phát âm phổ biến.</p> <p>f. Phát hiện và đọc các từ bất quy tắc ở trình độ phù hợp.</p>
MỨC ĐỘ TRÔI CHẢY		
4. Có thể đọc những bài đọc	4. Đọc với độ chính xác và	4. Đọc với độ chính xác và

<p>mà trong đó người đọc là chủ thể có mục đích và hiểu biết.</p>	<p>trôi chảy phù hợp để hỗ trợ thêm sự hiểu biết.</p> <p>a. Đọc bài đọc phù hợp với trình độ về mục đích và sự hiểu biết.</p> <p>b. Đọc to bài đọc phù hợp với trình độ một cách chính xác, tốc độ đọc phù hợp và biểu cảm liên tục.</p> <p>c. Sử dụng ngữ cảnh để xác nhận hoặc phát hiện và tự sửa chữa từ ngữ, hiểu rằng đọc lại bài là điều cần thiết.</p>	<p>trôi chảy phù hợp để hỗ trợ thêm sự hiểu biết.</p> <p>a. Đọc bài đọc phù hợp với trình độ về mục đích và sự hiểu biết.</p> <p>b. Đọc to bài đọc phù hợp với trình độ một cách chính xác, tốc độ đọc phù hợp và biểu cảm liên tục.</p> <p>c. Sử dụng ngữ cảnh để xác nhận hoặc phát hiện và tự sửa chữa từ ngữ, hiểu rằng đọc lại bài là điều cần thiết.</p>
---	--	--

CÁC CHUẨN VỀ KỸ NĂNG VIẾT

Lớp mẫu giáo lớn	Lớp 1	Lớp 2
CÁC LOẠI VĂN BẢN VÀ CÁC MỤC TIÊU		
<p>1. Kết hợp việc lập dàn ý, viết chính tả và hành văn để nêu ra các quan điểm giúp người đọc hiểu về chủ đề hoặc tên của cuốn sách mà HS đang quan tâm, hay diễn đạt một ý kiến hoặc một sở thích về chủ đề hoặc về cuốn sách ấy. (ví dụ quyển sách ưa thích của tôi là...)</p>	<p>1. Viết ra những ý kiến/quan điểm mà mình muốn nói/nghĩ về chủ đề hoặc tên của cuốn sách đang quan tâm, nêu ra một quan điểm, giải thích lí do của việc nêu ra quan điểm đó và đưa ra một vài câu kết luận.</p>	<p>1. Viết ra những ý kiến/quan điểm mà mình muốn nói/nghĩ về chủ đề hoặc tên của cuốn sách đang quan tâm, nêu ra một quan điểm, giải thích lí do của việc nêu ra quan điểm đó, sử dụng các từ nối (ví dụ because, and, also...) để kết nối các quan điểm và lí do, đưa ra câu kết luận hoặc một đoạn văn kết luận.</p>
<p>2. Kết hợp việc lập dàn ý, viết chính tả và hành văn để viết các văn bản có mục đích hướng dẫn và giải thích, trong đó HS nêu ra những gì mình đang viết và cung cấp thêm thông tin cho chủ đề.</p>	<p>2. Viết các văn bản có mục đích hướng dẫn và giải thích, trong đó HS nêu ra một chủ đề, cung cấp các dữ liệu cho chủ đề và nêu một vài câu kết luận.</p>	<p>2. Viết các văn bản có mục đích hướng dẫn và giải thích, trong đó HS giới thiệu một chủ đề, sử dụng các dữ liệu và các định nghĩa để phát triển các luận điểm và đưa ra câu kết luận hoặc một đoạn văn kết luận.</p>

<p>3. Kết hợp việc lập dàn ý, viết chính tả và hành văn để đề tường thuật một sự kiện hoặc một số các sự kiện có liên quan đến nhau, kể lại các sự kiện theo trình tự xuất hiện và thể hiện thái độ của mình đối với những gì đã xảy ra.</p>	<p>3. Viết các bài tường thuật kể lại hai hoặc nhiều sự kiện diễn ra theo một trình tự thích hợp, bao gồm một số chi tiết diễn tả chuyện gì đã xảy ra, sử dụng các từ ngữ về thời gian đối với trình tự các sự kiện đáng ghi nhớ và nêu kết thúc.</p>	<p>3. Viết các bài tường thuật kể lại một sự kiện phức tạp hoặc diễn biến ngắn của chuỗi các sự kiện, bao gồm các chi tiết miêu tả các hành động, các suy nghĩ, cảm xúc, sử dụng các từ vựng về thời gian đối với trình tự của sự kiện và nêu kết thúc.</p>
<p>SÁNG TẠO VÀ PHÂN LOẠI CÁCH VIẾT</p>		
<p>4. (Bắt đầu ở lớp 2)</p>	<p>4. (Bắt đầu ở lớp 2)</p>	<p>4. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, viết các văn bản trong đó phát triển ý và tổ chức một cách phù hợp các nhiệm vụ và mục đích đã đặt ra. (Những kết quả mong đợi cụ thể theo cấp học trong việc học viết được định nghĩa trong các chuẩn 1-3)</p>
<p>5. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, trả lời/hưởng ứng các câu hỏi và các gợi ý từ bạn bè, đưa thêm vào các chi tiết để củng cố bài viết khi cần.</p>	<p>5. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, tập trung vào một chủ điểm, trả lời/hưởng ứng các câu hỏi và các gợi ý từ bạn bè, đưa thêm vào các chi tiết để củng cố bài viết khi cần.</p>	<p>5. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn cũng như bạn bè, tập trung vào một chủ đề và củng cố bài viết khi cần thông qua việc đọc lại và sửa chữa.</p>
<p>6. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, tìm kiếm các công cụ kỹ thuật số khác nhau để tạo lập văn bản, trong đó có cả sự hợp tác với những nhóm bạn cùng lứa tuổi.</p>	<p>6. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, tìm kiếm các công cụ kỹ thuật số khác nhau để tạo lập văn bản, trong đó có cả sự hợp tác với những nhóm bạn cùng lứa tuổi.</p>	<p>6. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, tìm kiếm các công cụ kỹ thuật số khác nhau để tạo lập văn bản, trong đó có cả sự hợp tác với những nhóm bạn cùng lứa tuổi.</p>
<p>NGHIÊN CỨU ĐỂ TRAU DỒI VÀ THỂ HIỆN KIẾN THỨC</p>		
<p>7. Tham gia vào cùng nghiên cứu và làm các bài tập/dự án (ví dụ tìm kiếm một số sách của một tác giả</p>	<p>7. Tham gia vào cùng nghiên cứu và làm các bài tập/dự án (ví dụ tìm kiếm một số sách dạy kỹ năng</p>	<p>7. Tham gia vào cùng nghiên cứu và làm các bài tập/dự án (ví dụ đọc một số cuốn sách về một chủ đề</p>

yêu thích và đưa ra các ý kiến về chúng).	liên quan đến chủ đề được giao và sử dụng chúng để viết các lời chỉ dẫn theo một trình tự nhất định).	nào đó để viết báo cáo, ghi lại các nhận xét mang tính khoa học).
8. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, kể lại các thông tin dựa trên các kinh nghiệm hoặc tập hợp các thông tin từ các nguồn được cung cấp để trả lời câu hỏi.	8. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, kể lại các thông tin dựa trên các kinh nghiệm hoặc tập hợp các thông tin từ các nguồn được cung cấp để trả lời câu hỏi.	8. Kể lại các thông tin dựa trên các kinh nghiệm hoặc tập hợp các thông tin từ các nguồn được cung cấp để trả lời câu hỏi.
9. (Bắt đầu từ lớp 4)	9. (Bắt đầu từ lớp 4)	9. (Bắt đầu từ lớp 4)
KHẢ NĂNG VIẾT		
10. (Bắt đầu từ lớp 2)	10. (Bắt đầu từ lớp 2)	10. Viết một cách thường xuyên trong các khung thời gian mở (thời gian nghiên cứu, phản hồi và ôn luyện) và trong các khung thời gian ngắn hơn (ngồi viết một mình trong một hoặc hai ngày) để rèn tính kỉ luật, mục tiêu và sự tiếp thu ý kiến.

CÁC CHUẨN KỸ NĂNG NGHE VÀ NÓI

Lớp mẫu giáo lớn	Lớp 1	Lớp 2
NHẬN THỨC VÀ HỢP TÁC		
<p>1. Tham gia vào các cuộc đối thoại với nhiều nhóm đối tượng vừa và nhỏ, như nhóm bạn cùng tuổi và người lớn, để thảo luận các chủ đề và các bài đọc về trường mẫu giáo.</p> <p>a. Tuân thủ theo các quy định được thống nhất để thảo luận (ví dụ: nghe người khác phát biểu và lần lượt từng người thảo luận về các chủ đề và</p>	<p>1. Tham gia vào các cuộc đối thoại với nhiều nhóm đối tượng vừa và nhỏ, như nhóm bạn cùng tuổi và người lớn, để thảo luận các chủ đề và các bài đọc liên quan đến lớp 1.</p> <p>a. Tuân thủ theo các quy định được thống nhất để thảo luận (ví dụ: nghe người khác nói chăm chú, lần lượt tham gia thảo luận về các chủ đề hoặc các bài</p>	<p>1. Tham gia vào các cuộc đối thoại với nhiều nhóm đối tượng vừa và nhỏ, như nhóm bạn cùng tuổi và người lớn, để thảo luận các chủ đề và các bài đọc liên quan đến lớp 2.</p> <p>a. Tuân thủ theo các quy định được thống nhất để thảo luận (ví dụ: Phát biểu một cách nghiêm túc, lắng nghe người khác phát biểu, tham gia thảo luận về các</p>

<p>các bài đọc trong cuộc thảo luận).</p> <p>b. Duy trì cuộc đối thoại thông qua các cách giao tiếp và trao đổi khác nhau.</p>	<p>đọc trong nhóm).</p> <p>b. Góp ý thêm vào bài phát biểu của người khác bằng cách hưởng ứng các câu bình luận của những người khác trong nhóm thông qua các hình thức trao đổi khác nhau.</p> <p>c. Hỏi các câu hỏi để làm rõ những điều chưa biết về chủ đề và các bài đọc trong cuộc thảo luận.</p>	<p>chủ đề và bài đọc).</p> <p>b. Góp ý thêm vào bài phát biểu của người khác bằng cách kết hợp các câu bình luận của họ với những lời nhận xét của người khác.</p> <p>c. Yêu cầu được làm rõ và được giải thích thêm nếu cần về các chủ đề và các bài đọc trong nhóm thảo luận.</p>
<p>2. Thể hiện sự hiểu biết về bài đọc hoặc các thông tin được nói hoặc được phát qua phương tiện truyền thông bằng cách hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính và yêu cầu được giải thích nếu có điều gì không hiểu.</p> <p>a. Hiểu và làm theo các chỉ dẫn bằng lời nói gồm 2 bước (bước 1 và bước 2).</p>	<p>2. Hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính trong một văn bản đã được đọc to hoặc các thông tin được nói hoặc được phát qua phương tiện truyền thông.</p> <p>a. Đưa ra, xác định lại và làm theo các chỉ dẫn kép đơn giản</p>	<p>2. Nhắc lại hoặc miêu tả các ý kiến hoặc các chi tiết chính từ một văn bản được đọc to hoặc các thông tin được nói hoặc được phát qua phương tiện truyền thông khác.</p> <p>a. Thực hiện và làm theo các lời chỉ dẫn bằng lời nói gồm 3 và 4 bước.</p>
<p>3. Hỏi và trả lời các câu hỏi để tìm sự trợ giúp, tiếp thu được các thông tin, hoặc làm rõ những gì chưa hiểu.</p>	<p>3. Hỏi và trả lời các câu hỏi về những gì người diễn thuyết nói để thu thập thêm các thông tin hoặc làm rõ những gì chưa hiểu.</p>	<p>3. Hỏi và trả lời các câu hỏi về những gì người diễn thuyết nói để hiểu rõ hơn, thu thập thêm các thông tin hoặc hiểu sâu sắc hơn một chủ đề hoặc một vấn đề.</p>
<p>TRÌNH BÀY KIẾN THỨC VÀ CÁC Ý TƯỞNG</p>		
<p>4. Miêu tả những người thân, những địa điểm, những đồ vật và những sự kiện quen thuộc với sự hỗ trợ và gợi ý (của GV), cung cấp những chi tiết cụ thể.</p>	<p>4. Miêu tả người, địa điểm, đồ vật và những sự kiện với các chi tiết chính xác, diễn đạt các ý kiến và các cảm xúc một cách rõ ràng.</p> <p>a. Ghi nhớ và đọc lại các bài thơ, các giai điệu và các bài hát với sự biểu cảm phù hợp.</p>	<p>4. Kể một câu chuyện hoặc tường thuật lại một kinh nghiệm với các thông tin phù hợp, chính xác, các chi tiết mang tính miêu tả, diễn đạt dễ hiểu và dùng các câu mạch lạc, rõ ràng.</p> <p>a. Lập dàn ý và gửi bản tường thuật, trong đó kể lại</p>

		một sự kiện phức tạp bao gồm các chi tiết, thể hiện được một diễn biến hợp lý và đưa ra kết luận.
5. Thêm các tranh ảnh hoặc cách trình diễn kèm hình ảnh với mong muốn cung cấp thêm được nhiều chi tiết hơn.	5. Thêm các tranh ảnh hoặc cách trình diễn kèm hình ảnh phù hợp để minh họa các ý kiến, các suy nghĩ và các cảm xúc.	5. Ghi âm các câu chuyện hoặc các bài thơ, thêm các tranh ảnh hoặc cách trình diễn kèm hình ảnh vào các câu chuyện hoặc tường thuật các kinh nghiệm một cách phù hợp để thể hiện các ý kiến, suy nghĩ và các cảm xúc.
6. Nói một cách rõ ràng, thể hiện được các suy nghĩ, cảm xúc và quan điểm của mình.	6. Dùng các câu hoàn chỉnh phù hợp với mục đích nói và tình huống giao tiếp (Xem các chuẩn ngôn ngữ lớp 1 phần 1 và 3 trang 12 để tham khảo thêm).	6. Dùng các câu hoàn chỉnh phù hợp với mục đích nói và tình huống giao tiếp để đưa ra các đề nghị cụ thể và rõ ràng. (Xem các tiêu chuẩn ngôn ngữ lớp 2 phần 1 và 3 trang 12 để tham khảo thêm).

CÁC CHUẨN VỀ NGÔN NGỮ

Lớp mẫu giáo lớn	Lớp 1	Lớp 2
CÁC QUY ƯỚC CỦA TIẾNG ANH ĐÚNG QUY CÁCH		
<p>1. Nắm được những quy ước ngữ pháp của Tiếng Anh chuẩn và sử dụng chúng trong khi viết và nói.</p> <p>a. Viết một số chữ cái dùng trong trường hợp trang trọng và thông thường.</p> <p>b. Sử dụng thường xuyên các danh từ về các động từ thường gặp.</p> <p>c. Tạo ra các danh từ số nhiều có quy tắc khi đọc bằng cách thêm /s/ hoặc</p>	<p>1. Nắm được những quy ước ngữ pháp của tiếng Anh chuẩn và sử dụng chúng trong khi viết và nói.</p> <p>a. Viết tất cả các chữ cái dùng trong trường hợp trang trọng về thông thường.</p> <p>b. Sử dụng các danh từ chung, danh từ riêng và danh từ sở hữu</p> <p>c. Sử dụng các danh từ số ít, số nhiều đi kèm các động từ trong các câu cơ bản. (Ví dụ: We hop/He</p>	<p>1. Nắm được những quy ước ngữ pháp của tiếng Anh chuẩn và sử dụng chúng trong khi viết và nói.</p> <p>a. Viết các bài viết dễ đọc.</p> <p>b. Sử dụng các nhóm danh từ</p> <p>c. Tạo ra và sử dụng một cách thường xuyên các danh từ số nhiều bất quy tắc thường gặp. (Ví dụ: feet, children, teeth, mice, fish).</p> <p>d. Sử dụng các đại từ phản thân, (Ví dụ myself,</p>

<p>/es/ ví dụ: dog, dogs, wish, wishes.</p> <p>d. Hiểu và sử dụng các từ để hỏi (các câu hỏi) ví dụ: when, who, how...</p> <p>e. Sử dụng các giới từ thường gặp (ví dụ: to, from, in...)</p> <p>f. Sáng tạo và mở rộng các câu hoàn thiện trong các hoạt động chia sẻ ngôn ngữ.</p>	<p>hops)</p> <p>d. Sử dụng các từ chỉ người (các chủ ngữ và các tân ngữ), các đại từ sở hữu và các đại từ bất định, (ví dụ: I, me, my, they, them, their, anyone, everything).</p> <p>e. Sử dụng các động từ chia theo thì thời quá khứ, hiện tại và tương lai. (Ví dụ: Yesterday I walked home. /Today I walk home /Tomorrow I will walk home).</p> <p>f. Sử dụng thường xuyên các tính từ hay dùng.</p> <p>g. Sử dụng thường xuyên các liên từ hay dùng. (Ví dụ: and, but, or, so, because).</p> <p>i. Sử dụng thường xuyên các giới từ hay dùng (Ví dụ: during, beyond, toward).</p> <p>j. Sáng tạo và mở rộng các câu đơn và câu ghép như: câu chỉ nghĩa vụ, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán để trả lời một cách kịp thời.</p>	<p>ourselves).</p> <p>e. Tạo ra và sử dụng thời quá khứ đơn của các động từ bất quy tắc thường gặp. (Ví dụ: sat, hid, told).</p> <p>f. Sử dụng các tính từ và các trạng từ và phân biệt chúng dựa trên loại nào thì phải được bỏ nghĩa.</p> <p>g. Sáng tạo, mở rộng và sắp xếp lại các câu ghép và các câu đơn. (Ví dụ: The boy watched the movie./The little boy watched the movie./The action movie was watched by the little boy.)</p>
<p>2. Nắm được các quy ước của tiếng Anh chuẩn về chữ viết hoa, dấu và cách đánh vần khi viết.</p> <p>a. Viết hoa từ đầu tiên trong một câu và đại từ I.</p> <p>b. Nhận biết và kể tên dấu chấm câu.</p> <p>c. Viết một hoặc nhiều từ chủ yếu sử dụng phụ âm</p>	<p>2. Nắm được các quy ước của tiếng Anh chuẩn về chữ viết hoa, dấu và cách đánh vần khi viết.</p> <p>a. Viết hoa các ngày và tên người.</p> <p>b. Sử dụng dấu chấm câu để kết thúc câu.</p> <p>c. Sử dụng các dấu phẩy khi viết ngày và để tách các</p>	<p>2. Nắm được các quy ước của tiếng Anh chuẩn về chữ viết hoa, dấu và cách đánh vần khi viết.</p> <p>a. Viết hoa các kì nghỉ, tên các sản phẩm và tên địa lí.</p> <p>b. Sử dụng dấu phẩy trong các câu mở đầu và các câu kết của lá thư.</p> <p>c. Sử dụng một dấu sở hữu,</p>

<p>và các nguyên âm ngắn, (các âm vị)</p> <p>d. Phát âm những từ đơn giản, thể hiện kiến thức về các mối quan hệ giữa âm và chữ.</p>	<p>từ đơn lẻ trong một chuỗi từ.</p> <p>d. Sử dụng cách phát âm theo quy định cho các từ có các hình thái phát âm phổ biến và cho các từ bất quy tắc thường gặp.</p> <p>e. Đánh vần những từ chưa được học, thể hiện sự nhận thức về ngữ âm học và các quy định về phát âm.</p>	<p>cách (') để tạo ra các cách viết thu gọn và các từ sở hữu hay gặp.</p> <p>d. Khái quát các dạng phát âm đã học khi viết các từ (Ví dụ: cage→ badge; boy→ boil).</p> <p>e. Tra cứu các tài liệu tham khảo, bao gồm các từ điển dành cho người bắt đầu học khi cần để kiểm tra và sửa chữa các từ phát âm.</p>
<p>KIẾN THỨC VỀ NGÔN NGỮ</p>		
<p>3. Bắt đầu từ lớp 2</p>	<p>3. Bắt đầu từ lớp 2</p>	<p>3. Sử dụng kiến thức ngôn ngữ và các quy ước của nó khi viết, nói, đọc hoặc nghe.</p> <p>a. So sánh các cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và thông thường trong tiếng Anh</p>
<p>TRAU DÒI VỐN TỪ VÀ SỬ DỤNG TỪ VỰNG</p>		
<p>4. Xác định hoặc làm rõ nghĩa của các từ, cụm từ chưa biết và các từ, cụm từ đa nghĩa dựa vào nội dung và các bài đọc cho lớp mẫu giáo lớn.</p> <p>a. Xác định các nghĩa mới của các từ quen thuộc và áp dụng chúng một cách chính xác (Ví dụ: biết vịt thuộc họ chim và học động từ của từ con vịt/to duck).</p>	<p>4. Xác định hoặc làm rõ nghĩa của các từ, cụm từ chưa biết và các từ, cụm từ đa nghĩa dựa vào nội dung và các bài đọc cho lớp 1, lựa chọn một cách linh hoạt từ một nhóm các chiến lược.</p> <p>a. Sử dụng ngữ cảnh ở trong câu như một đầu mối để đoán nghĩa của một từ hoặc một cụm từ.</p> <p>b. Sử dụng một cách thường xuyên các phụ tố như một đầu mối để đoán nghĩa của một từ.</p> <p>c. Xác định một cách thường xuyên những từ gốc</p>	<p>4. Xác định hoặc làm rõ nghĩa của các từ, cụm từ chưa biết và các từ, cụm từ đa nghĩa dựa vào nội dung và các bài đọc lớp 2, lựa chọn một cách linh hoạt từ một nhóm các chiến lược.</p> <p>a. Sử dụng ngữ cảnh ở trong câu như một đầu mối để đoán nghĩa của một từ hoặc một cụm từ.</p> <p>b. Xác định nghĩa của từ mới được hình thành khi một tiền tố đã biết được thêm vào một từ chưa biết (ví dụ: happy - unhappy; tell - retell).</p> <p>c. Sử dụng một từ gốc đã</p>

	<p>thường gặp (ví dụ: look) và các mẫu biến thể của chúng (ví dụ: looks, looked, looking).</p>	<p>biết như một manh mối để đoán nghĩa của một từ chưa biết có cùng gốc (ví dụ: addition - additional).</p> <p>d. Sử dụng kiến thức về nghĩa của các từ đơn lẻ để miêu tả nghĩa của các từ ghép (ví dụ: birdhouse, lighthouse, housefly, bookshelf, notebook, bookmark).</p> <p>e. Sử dụng bảng từ vựng và các từ điển dành cho người bắt đầu học (cả bản in giấy và phần mềm) để xác định hoặc làm rõ nghĩa của các từ, cụm từ ở mọi lĩnh vực nội dung khác nhau.</p>
<p>5. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, khám phá các mối quan hệ và các sắc thái nghĩa của chúng</p> <p>a. Lựa chọn và phân loại các đồ vật quen thuộc (ví dụ: các loại hình dạng, đồ ăn để có được các quan niệm về phân loại).</p> <p>b. Thể hiện sự hiểu biết về các động từ và các tính từ thường gặp bằng cách kết hợp chúng theo cách đối lập (từ trái nghĩa).</p> <p>c. Xác định mối liên hệ giữa cái có thật trong cuộc sống với các từ ngữ dùng để gọi tên chúng cũng như cách sử dụng các từ ngữ ấy (ví dụ: các bản thông báo ở trường luôn được trang trí</p>	<p>5. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ người lớn, thể hiện sự hiểu biết về các mối quan hệ giữa các từ và các sắc thái nghĩa của chúng.</p> <p>a. Chọn và phân loại các từ (ví dụ: colors, clothing) để có được các quan niệm về phân loại.</p> <p>b. Định nghĩa các từ bằng việc phân loại và bằng một hoặc nhiều các vật tượng trưng chính (ví dụ: Một con vịt là một con chim biết bơi/Một con hổ là một con mèo lớn có bộ lông vằn).</p> <p>c. Xác định mối liên hệ giữa cái có thật trong cuộc sống với các từ ngữ dùng để gọi tên chúng cũng như cách sử dụng các từ ngữ ấy</p>	<p>5. Thể hiện sự hiểu biết về các mối quan hệ giữa các từ và các sắc thái nghĩa của chúng.</p> <p>a. Xác định mối liên hệ giữa cái có thật trong cuộc sống với các từ ngữ dùng để gọi tên chúng cũng như cách sử dụng các từ ngữ ấy (ví dụ: miêu tả thức ăn là hăng nồng hoặc mọng nước).</p> <p>b. Phân biệt các sắc thái nghĩa từ trong số các động từ có liên quan mật thiết đến nhau (ví dụ: tung, ném, văng) và các tính từ có mối quan hệ mật thiết đến nhau (ví dụ: gầy, mảnh dẻ, gầy gơ xương, gầy nhom).</p>

<p>nhiều màu sắc - colorful) d. Phân biệt các sắc thái nghĩa của các động từ miêu tả cùng một hành động thông thường (ví dụ: walk, march, strut, prance) bằng cách giải thích các nghĩa.</p>	<p>(ví dụ: các bản thông báo ở nhà luôn dễ chịu – cozy) d. Phân biệt các sắc thái nghĩa của các động từ khác nhau về phong cách biểu đạt (ví dụ: nhìn chăm chú, nhìn hé, liếc, nhìn chăm chăm, nhìn trừng trừng, quắc mắt) và các tính từ khác nhau về cường độ (ví dụ: rộng, to lớn/khổng lồ) bằng việc định nghĩa hoặc lựa chọn chúng hoặc bằng cách giải thích nghĩa.</p>	
<p>6. Sử dụng các từ, cụm từ học được thông qua các cuộc đối thoại, đọc và nghe người khác đọc, phản hồi lại các bài đọc.</p>	<p>6. Sử dụng các từ, cụm từ học được thông qua các cuộc đối thoại, đọc và nghe người khác đọc, phản hồi lại được các bài đọc bao gồm việc sử dụng một cách thường xuyên các liên từ thường gặp đối với các mối quan hệ đơn giản một cách đáng kể. (ví dụ: Tôi đặt tên cho con hamster là Nibblet vì nó thích gặm nhấm).</p>	<p>6. Sử dụng các từ, cụm từ học được thông qua các cuộc đối thoại, đọc và nghe người khác đọc, phản hồi lại được các bài đọc bao gồm việc sử dụng các tính từ và các trạng từ để miêu tả (ví dụ: Khi những đứa trẻ khác hạnh phúc, điều đó làm tôi thấy rất vui.)</p>

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

1. Nhận xét, đánh giá

- Hoa Kỳ là quốc gia có nền giáo dục tiên tiến vào bậc nhất trên thế giới, ưu việt ở tất cả các khía cạnh của lĩnh vực giáo dục phổ thông. Thu hút được nhiều học sinh quốc tế đến học tập ở tất cả các bậc học. Các tổng thống Hoa Kỳ luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và có những chính sách cụ thể để đẩy mạnh giáo dục trong nhiệm kỳ của mình (Tổng thống G. Bush đưa ra chính sách No Child Left Behind Act of 2001; Tổng thống B.

Obama đưa ra chính sách để thúc đẩy: Race to the Top và rất chú trọng dạy học tích hợp - STEM).

- Theo truyền thống, Chương trình giáo dục phổ thông của Hoa Kỳ do các bang xây dựng và triển khai. Tuy nhiên, trong thập kỉ qua, chính phủ và các chuyên gia giáo dục đã xây dựng hệ thống chuẩn và khuyến khích thực hiện trên toàn liên bang (common core), cho đến nay đã có 49 bang xây dựng chương trình dựa trên chuẩn chung đó.

- Việc tổ chức dạy học và đánh giá ở trung học phổ thông thực hiện theo tín chỉ. Cách thức tổ chức này giúp học sinh dễ dàng theo học ở các trường đại học. Ở một số bang và một số trường học sinh có thể đăng kí học một số tín chỉ được quy định ở một số trường đại học, sau khi vào đại học, học sinh không học các nội dung này nữa, như vậy tính liên thông giữa THPT và đại học thể hiện rất rõ.

2. Kiến nghị cho Chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam

- Tổ chức xây dựng chương trình khung, chuẩn Chương trình quốc gia theo hướng tiếp cận năng lực cho tất cả các môn học. Dựa vào đó, các địa phương, các nhà trường xây dựng chương trình cho mình.

- Cho phép biên soạn nhiều bộ sách giáo khoa theo hướng xã hội hoá, gồm cả sách giấy và sách điện tử. Ngoài ra, cần xây dựng nguồn tài nguyên học tập cho từng môn học. Địa phương, nhà trường được tự do lựa chọn bộ sách phù hợp.

- Biên soạn chương trình, sách giáo khoa và tổ chức dạy học theo hướng tích hợp và phân hoá. Cần tổ chức phân luồng mạnh mẽ ở cấp trung học phổ thông.

- Đào tạo lại và đào tạo mới giáo viên đáp ứng được chương trình và sách giáo khoa mới. Đào tạo giáo viên phải đi trước, đón đầu đổi mới giáo dục phổ thông, tránh tình trạng lạc hậu hơn thực tế phổ thông hiện nay.

- Với học sinh cuối cấp trung học phổ thông tổ chức một kì thi quốc gia để xét tốt nghiệp và tuyển sinh vào đại học.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang bị thiết dạy học cho các nhà trường.